

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN CÔNG NGHỆ 11 (2023-2024)



A/NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 2: Xu hướng phát triển của chăn nuôi

I. Những đặc điểm của chăn nuôi bền vững:

- Phát triển kinh tế
- Nâng cao đời sống cho người dân
- Bảo vệ môi trường, khai thác hợp lí và giữ gìn tài nguyên thiên nhiên
- Đối xử nhân đạo với vật nuôi

II. Những đặc điểm của chăn nuôi thông minh:

- Chuồng nuôi thông minh
- Trang thiết bị hiện đại, tự động hoá
- Ứng dụng công nghệ thông tin, kĩ thuật số trong quản lí vật nuôi
- Đảm bảo an toàn sinh học
- Minh bạch chuỗi cung ứng
- Năng suất chăn nuôi cao

Bài 3: Phân loại vật nuôi

I. Căn cứ vào nguồn gốc:

- Vật nuôi địa phương (bản địa)
- Vật nuôi ngoại nhập

II. Căn cứ vào đặc tính sinh vật học:

- Dựa vào hình thái, ngoại hình
- Dựa vào đặc điểm sinh sản
- Dựa vào đặc điểm cấu tạo của dạ dày

III. Căn cứ vào mục đích sử dụng:

- Vật nuôi chuyên dụng
- Vật nuôi kiêm dụng

Bài 4: Phương thức chăn nuôi

So sánh 3 phương thức chăn nuôi

Phương thức chăn nuôi	Chăn thả tự do	Chăn nuôi công nghiệp	Chăn nuôi bán công nghiệp
Đặc điểm	Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có	- Quy mô lớn, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại - Sử dụng thức ăn công nghiệp	Sử dụng thức ăn công nghiệp + thức ăn tự nhiên
Ưu điểm	- Mức đầu tư thấp - Ít gây ô nhiễm môi trường - Chất lượng sản phẩm chăn nuôi tốt	- Năng suất và hiệu quả kinh tế cao - Kiểm soát tốt dịch bệnh.	- Đầu tư không cao - Chất lượng sản phẩm tốt hơn so với chăn nuôi CN
Nhược điểm	- Năng suất và hiệu quả kinh tế thấp - Khó kiểm soát dịch bệnh	- Mức đầu tư cao - Dễ gây ô nhiễm môi trường	- Khó kiểm soát dịch bệnh hơn chăn nuôi CN

Bài 6: Chọn giống vật nuôi

*** Những chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn giống vật nuôi:**

- Ngoại hình
- Thể chất
- Khả năng sinh trưởng, phát dục
- Năng suất và chất lượng sản phẩm

Bài 7: Nhân giống vật nuôi

I. Nhân giống thuần chủng: là phương pháp cho giao phối giữa những con đực và con cái cùng giống để tạo ra thế hệ con mang những đặc điểm giống bố mẹ.

II. Lai giống:

1. Khái niệm: Lai giống là cho giao phối giữa con đực với con cái khác giống nhằm tạo ra con lai mang những đặc điểm di truyền mới tốt hơn bố mẹ

2. Một số phương pháp lai giống:

* Lai kinh tế: là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn

- Có 2 kiểu lai kinh tế:

- + Lai kinh tế đơn giản là hình thức lai giữa hai giống với nhau
- + Lai kinh tế phức tạp là hình thức lai giữa ba giống trở lên

* So sánh giữa lai cải tiến với lai cải tạo:

Lai cải tiến	Lai cải tạo
- Sử dụng khi giống vật nuôi còn <u>1 vài</u> đặc điểm chưa tốt	- Sử dụng khi giống vật nuôi còn <u>nhiều</u> đặc điểm chưa tốt
- <u>Giống đi cải tiến</u> chỉ dùng 1 lần để tạo con lai F1	- <u>Giống cần cải tạo</u> chỉ dùng 1 lần để tạo con lai F1
- Con lai F1 lai trở lại với giống <u>cần cải tiến</u>	- Con lai F1 lai trở lại với giống <u>đi cải tạo</u>
- Con lai mang <u>nhiều</u> đặc điểm của <u>giống cần cải tiến</u> và được bổ sung thêm ít đặc điểm của giống đi cải tiến	- Con lai mang rất <u>ít</u> đặc điểm của <u>giống cần cải tạo</u> và được bổ sung nhiều đặc điểm của giống đi cải tạo

* Lai xa là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ

III. Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi:

1. Thụ tinh nhân tạo là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con đực để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái

2. Quy trình thụ tinh ống nghiệm:

Bước 1: Hút trứng từ buồng trứng của con cái, nuôi trứng trưởng thành

Bước 2: Nuôi cấy trứng trong phòng thí nghiệm

Bước 3: Lấy tinh trùng từ con đực

Bước 4: Cho trứng và tinh trùng thụ tinh

Bước 5: Nuôi cấy phôi

Bước 6: Cấy phôi vào cơ thể vật nuôi

3. Cấy truyền phôi là quá trình đưa phôi từ cá thể cái này (con cái cho phôi) vào cá thể cái khác (con cái nhận phôi), phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể cái nhận phôi

4. Nhân bản vô tính vật nuôi là việc sử dụng kỹ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi

Bài 8: Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi

I. Phân biệt nhu cầu duy trì với nhu cầu sản xuất:

- Nhu cầu duy trì là nhu cầu dinh dưỡng cần cho vật nuôi hoạt động ở mức tối thiểu (ăn uống, đi lại bình thường)

- Nhu cầu sản xuất là nhu cầu dinh dưỡng cần cho nuôi tăng khối lượng cơ thể, nuôi thai và tạo sản phẩm như thịt, trứng, sữa,...

II. Tiêu chuẩn ăn:

Là nhu cầu các dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm.

Tiêu chuẩn ăn bao gồm: Nhu cầu năng lượng, nhu cầu protein và amino acid, nhu cầu khoáng, nhu cầu vitamin.

III. Khẩu phần ăn của vật nuôi:

Là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi nhằm thoả mãn tiêu chuẩn ăn

B/THỜI GIAN LÀM BÀI- CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút

- Cấu trúc đề kiểm tra:

Trắc nghiệm (7 điểm): 28 câu.

Tự luận (3 điểm): 3 câu.